

TÌNH HÌNH NHIỄM GIUN SÁN KÝ SINH Ở ĐÊ TỈNH TRÀ VINH VÀ THỬ NGHIỆM ĐIỀU TRỊ

Nguyễn Hữu Hưng

Khoa Chăn nuôi-Thú y, Đại học Cần Thơ

Tóm tắt

Qua khảo sát 881 mẫu phân dê ở các lứa tuổi (< 1 năm, 1-2 năm và > 2 năm tuổi) và kết quả mổ khám 127 dê tìm các loài giun sán ký sinh tại tỉnh Trà Vinh cho thấy:

Dê nuôi ở Trà Vinh bị nhiễm giun sán với tỷ lệ 73,67%. Tỷ lệ nhiễm tăng dần theo lứa tuổi: dê <1 năm tuổi (56,35%), dê 1-2 năm tuổi (78,22%) và cao nhất ở dê > 2 năm tuổi (82,82%). Có 8 loài giun sán ký sinh ở dê, trong đó 5 loài thuộc lớp giun tròn (Nematoda): *Oesophagostomum columbianum* (64,57%), *Haemonchus contortus* (62,99%), *Bunostomum trigonocephalum* (29,92%), *Trichocephalus ovis* (24,41%), và *Oesophagostomum venulosum* (10,24%), 2 loài thuộc lớp sán dây (Cestoda) là *Moniezia expansa* (13,39%), *Moniezia benedeni* (14,96%) và một loài thuộc lớp sán lá (Trematoda) là *Paramphistomum cervi* (7,88%).

Thử nghiệm hiệu quả tẩy trừ của 2 loại thuốc trên 20 dê nhiễm giun sán, kết quả cho thấy: Albendazole với liều 8,33mg/kg thể trọng và Fenbendazole với liều 7,6mg/kg thể trọng đều cho hiệu quả tẩy sạch các loài giun tròn và sán dây ký sinh ở dê. Thuốc an toàn và không gây phản ứng phụ trong quá trình tẩy trừ.

Từ khoá: Dê, Giun sán, Tỷ lệ nhiễm, Tẩy trừ, Tỉnh Trà Vinh

Survey on helminth prevalence in goats in Tra Vinh province and treatment experiment

Nguyen Huu Hung

Summary

Through the examination of 881 fecal samples from goats at three age ranges (under one year old, one to two years old, and over two years old) and the investigation of the helminths from 127 goats slaughtered, we found that:

The prevalence of the helminths in goats increased according to the age, remarkably high at 73.67%, namely under one-year goats (56.35%), one-to-two year goats (78.22%), and over two-year goats (82.82%). Eight species of helminths in goats are categorized into three classes: Nematoda, Cestoda, and Trematoda. Nematoda consisted of five species such as *Oesophagostomum columbianum* (64.57%), *Haemonchus contortus* (62.99%), *Bunostomum trigonocephalum* (29.92%), *Trichocephalus ovis* (24.41%), and *Oesophagostomum venulosum* (10.24%). Cestoda included *Moniezia expansa* (13.39%) and *Moniezia benedeni* (14.96%). *Paramphistomum cervi* (7.88%) belonged to Trematoda class.

Using Albendazole of 8.33 mg/kg and Fenbendazole of 7.6mg/kg was proved to be effective against Nematoda and Cestoda. No side effect appeared in goat after the treatment.

Keywords: Goat, Helminths, Prevalence, Treatment, Tra Vinh Province

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh ký sinh trùng ký sinh ở đường tiêu hóa dê rất phổ biến ở trên thế giới, mặc dù không gây chết hàng loạt như các bệnh truyền nhiễm nhưng chúng cướp đoạt các chất dinh dưỡng và gây độc cho cơ thể dê dẫn đến việc làm giảm khả năng tăng trọng, làm cho con vật gầy yếu và tiêu chảy, cuối cùng kiệt sức rồi chết. Mặt khác, nhiễm ký sinh trùng còn mở đường cho các mầm bệnh khác bộc phát (Soulsby (1977).

Con dê đã được bà con nông dân nghèo ở Trà Vinh chọn nuôi vì tập tính dễ thích nghi với những điều kiện sống khác nhau và những giá trị kinh tế mà nó mang lại. Trong những năm gần đây việc phát triển đàn dê trong tỉnh tăng lên đáng kể từ 4.446 con năm 2000, tăng dần đến 18.599 con vào năm 2006 (nguồn Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2006). Tuy nhiên, việc phát triển đàn dê nuôi ở tỉnh này gặp phải hàng loạt các vấn đề cần giải

quyết. Bên cạnh thức ăn và thị trường tiêu thụ sản phẩm, các vấn đề về dịch bệnh trong đó các bệnh do giun sán ký sinh trên đàn dê cần được quan tâm.

Từ trước đến nay, trong nước ta có rất ít tác giả nghiên cứu về tình hình nhiễm giun sán ký sinh ở đường tiêu hóa ở dê và các biện pháp phòng trị. Vì vậy, để có cơ sở khoa học cho việc phòng trừ các bệnh ở đường tiêu hóa ở dê trong đó có các bệnh do giun sán ký sinh ở đường tiêu hóa dê góp phần làm tăng năng suất và đẩy mạnh ngành chăn nuôi dê tỉnh Trà Vinh chúng tôi tiến hành đề tài “Tình hình nhiễm giun sán ký sinh ở dê tại tỉnh Trà Vinh và thử nghiệm hiệu quả của thuốc Albendazole, và Fenbendazole trong tẩy trừ”. Bài báo này tập hợp một phần các kết quả nghiên cứu của đề tài nói trên.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng thí nghiệm

Đề tài được thực hiện tại các hộ chăn nuôi dê trong tỉnh Trà Vinh. Dê được kiểm tra theo 3 lứa tuổi: < 1 năm, 1-2 năm và > 2 năm tuổi.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bằng phương pháp phù nổi của Willis, và phương pháp gạn rửa sa lắng của Benedek tìm trứng giun sán ký sinh ở dê phương pháp mổ khám của viện sĩ Skrjabin để tìm sự hiện diện của các loài giun sán ký sinh ở đường tiêu hóa dê, phương pháp đếm trứng của Mac Master cải tiến để so sánh hiệu quả sử dụng thuốc trước và sau tẩy trừ, phương pháp định danh phân loại của Phan thế Việt, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Lê (1977), Nguyễn Thị Lê (1996) và phương pháp thử nghiệm hiệu quả của các loại thuốc Albendazole và Fenbendazole tẩy trừ giun sán ký sinh ở dê tại tỉnh Trà Vinh.

3. Kết quả và thảo luận

3.1 Kết quả tình hình nhiễm trứng giun sán ký sinh ở dê theo lứa tuổi tại tỉnh Trà Vinh (theo phương pháp kiểm tra phân)

Bảng 1: Tỷ lệ nhiễm trứng giun sán ký sinh ở dê theo lứa tuổi tại tỉnh Trà Vinh

Lứa tuổi dê	Số mẫu kiểm tra	Số mẫu nhiễm	Tỷ lệ nhiễm (%)
< 1 năm tuổi	252	142	56,35 ^a
1-2 năm tuổi	303	237	78,22 ^b
> 2 năm tuổi	326	270	82,82 ^b
Tổng	881	649	73,67

Ghi chú: a, b khác nhau có ý nghĩa thống kê trong cùng một cột ($P < 0,05$)

Qua kiểm tra 881 mẫu phân dê tại tỉnh Trà Vinh cho thấy, dê ở tỉnh Trà Vinh nhiễm giun sán ký sinh với tỷ lệ nhiễm rất cao chiếm tỷ lệ 73,67%. Trong đó tỷ lệ nhiễm giun sán tăng dần theo lứa tuổi: dê ở lứa tuổi: < 1 năm tuổi đã nhiễm 56,35%, dê 1-2 năm tuổi nhiễm cao hơn 78,22% và nhiễm cao nhất ở lứa tuổi > 2 năm tuổi chiếm tỷ lệ 82,82%. Phân tích thống kê cho thấy có sự sai khác rất có ý nghĩa thống kê ở dê < 1 năm tuổi so với dê 1-2 năm tuổi và dê < 1 năm tuổi và dê > 2 năm tuổi. Điều này có thể giải thích như sau: dê ở đây được nuôi theo phương thức bán chăn thả và thả hoàn toàn, trong đó dê ở lứa tuổi từ 1-2 năm tuổi và dê > 2 năm tuổi được chăn thả trên đồng cỏ nhiều hơn dê nuôi ở lứa tuổi < 1 năm. Do đó, những dê này có nhiều cơ hội tiếp xúc mầm bệnh ký sinh trùng hơn dê < 1 năm tuổi. Thêm vào đó người chăn nuôi dê ở đây chưa có một quy trình nào trong việc tẩy trừ giun sán ở dê do đó mà tỷ lệ nhiễm giun sán trên dê tăng dần theo lứa tuổi. Theo Urquhart (1996) cho rằng, thời gian nuôi càng dài thì dê có điều kiện tiếp xúc với mầm bệnh lây nhiễm ký sinh trùng càng cao. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Phan Định Lân và ctv (2002) cho rằng tỷ lệ nhiễm giun sán có khuynh hướng tăng dần theo lứa tuổi.

Bảng 2: Thành phần loài giun sán ký sinh ở dê theo lứa tuổi tại tỉnh Trà Vinh

S T T	Loài giun sán	Nhiễm chung		< 1 năm tuổi		1-2 năm tuổi		> 2 năm tuổi	
		S M N	TLN (%)	S M N	TLN (%)	S M N	TLN (%)	S M N	TLN (%)
1	<i>Haemonchus contortus</i>	458	55,05	94	37,30	173	57,10	218	66,87
2	<i>Oesophagostomum spp.</i>	355	40,30	63	25,00	141	46,53	151	46,32
3	<i>Bunostomum trigonocephalum</i>	87	9,88	21	8,33	36	11,88	30	9,20
4	<i>Trichocephalus ovis</i>	56	6,36	11	4,37	20	6,60	25	7,67
5	<i>Moniezia spp.</i>	117	13,28	43	17,06	40	13,20	34	10,43
6	<i>Paramphistomum cervi</i>	46	5,22	4	1,59	17	5,61	25	7,67

SMN: số mẫu nhiễm; TLN: tỷ lệ nhiễm

Bảng 2 cho thấy: có 6 loài trứng giun sán ký sinh ở đường tiêu hóa dê trong đó có 1 loài sán dây (*Moniezia spp.*), 1 loài thuộc lớp sán lá (*Paramphistomum cervi*) và 4 loài thuộc lớp giun tròn *Haemonchus contortus*, *Oesophagostomum spp.*, *Bunostomum trigonocephalum* và *Trichocephalus ovis*. Trong 6 loài phát hiện loài phổ biến là *Haemonchus contortus* với tỷ lệ nhiễm cao nhất là 55,05%, kế đến *Oesophagostomum sp.* (40,30%), loài *Moniezia spp.* (13,28%), *Bunostomum trigonocephalum* (9,88%), *Trichocephalus ovis* (6,36%), thấp nhất là loài *Paramphistomum cervi* (5,22%). Kết quả này phù hợp với Phan Đình Lân (2002) cho biết thành phần loài giun sán ký sinh ở dê ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam có 15 loài trong đó loài *Haemonchus contortus* nhiễm cao nhất với tỷ lệ nhiễm 61,11%.

Xét về thành phần loài ký sinh theo lứa tuổi cho thấy cả 3 lứa tuổi đều có sự hiện diện của 6 loài trứng giun sán. Đối với lớp giun tròn thì *Haemonchus contortus* vẫn chiếm tỷ lệ nhiễm cao nhất và có khuynh hướng tăng dần theo lứa tuổi: dê <1 năm tuổi nhiễm 37,30%, dê 1-2 năm tuổi nhiễm 57,10%, dê > 2 năm tuổi nhiễm 66,87%. Các loài còn lại như *Oesophagostomum sp.*, *Bunostomum trigonocephalum*, *Trichocephalus ovis* đều có tỷ lệ nhiễm tăng dần theo lứa tuổi.

Loài *Moniezia spp.* giảm dần theo lứa tuổi. Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Phan Đình Lân (2002), Nguyễn Quang Tuyên (2003) cho rằng tỷ lệ nhiễm sán dây giảm dần theo lứa tuổi. Riêng loài *Paramphistomum cervi* lại tăng dần theo lứa tuổi, kết quả phù hợp với Phạm Văn Khuê và Phan Lục (1996), Nguyễn Thị Kim Lan và Nguyễn Quang Tuyên (2002).

3.2 Kết quả tình hình nhiễm giun sán ký sinh ở dê theo lứa tuổi tại tỉnh Trà Vinh (theo phương pháp mổ khám)

3.2.1 Tình hình nhiễm giun sán theo lớp

Bảng 3: Tỷ lệ nhiễm giun sán ký ở dê theo lớp

Lứa tuổi dê	SCMK (con)	SCN (con)	TLN (%)	Tình hình nhiễm theo lớp					
				Nematoda		Cestoda		Trematoda	
				SCN (con)	TLN (%)	SCN (con)	TLN (%)	SCN (con)	TLN (%)
<1 năm	47	43	91,49	43	91,49	15	31,91	-	-
1-2 năm	48	45	93,75	43	89,58	7	14,58	5	10,42
> 2 năm	32	32	100,00	31	96,88	5	15,63	5	15,63
Tổng	127	120	94,49	117	92,13	27	21,26	10	7,87

SCMK: số con mổ khám; SCN: số con nhiễm; TLN: tỷ lệ nhiễm

Bảng 3 cho thấy qua mổ khám 127 dê ở 3 lứa tuổi cho thấy dê nhiễm giun sán với tỷ lệ nhiễm chung rất cao (94,49%), và tỷ lệ nhiễm tăng đồng biến theo lứa tuổi: dê từ < 1 năm

tuổi nhiễm 91,49%, dê 1-2 năm tuổi nhiễm 93,75% và dê > 2 năm tuổi nhiễm cao nhất (100%).

Về tình hình nhiễm theo lớp giun sán nhận thấy dê nhiễm cả 3 lớp giun sán : trong đó lớp giun tròn (Class Nematoda) nhiễm cao nhất chiếm tỷ lệ 92,13%, kế đến là lớp sán dây (Class Cestoda) với tỷ lệ nhiễm 21,26% và thấp nhất là lớp sán lá (Class Trematoda) với tỷ lệ nhiễm 7,87%. Điều này được giải thích như sau: để hoàn thành vòng đời thì các loài sán lá cần phải mất thời gian khá dài khoảng 3-4 tháng và trải qua quá trình phát triển qua vật chủ trung gian như các loài ốc nước ngọt do đó mà tỷ lệ nhiễm sán lá có phần thấp hơn. Đối với loài sán dây cũng phải trải qua vật chủ trung gian là các loài nhện đất để hoàn thành vòng đời. Riêng các loài giun tròn thuộc lớp Nematoda thường chúng phát triển trực tiếp và hoàn tất vòng đời trong một thời gian ngắn chính vì thế mà tỷ lệ nhiễm trong lớp giun tròn ký sinh ở dê chiếm tỷ lệ cao nhất. Khi so sánh tình hình nhiễm theo lứa tuổi thì tỷ lệ nhiễm lớp giun tròn ở cả 3 lứa tuổi đều cao như nhau, tỷ lệ nhiễm sán dây có chiều hướng giảm dần theo lứa tuổi. Kết quả này được giải thích như sau: bệnh sán dây thường thấy ở gia súc nhỏ và có khuynh hướng giảm dần theo lứa tuổi. Kết quả phù hợp với nhiều nhận định của Nguyễn Quang Tuyên (2003), Phan Định Lân (2002).

3.2.2 Thành phần loài giun sán ký sinh ở dê

Bảng 4: Kết quả thành phần loài giun sán ký sinh ở dê

STT	Loài giun sán	Vị trí ký sinh	SCN	TLN (%)	CĐN (giun sán)
1	<i>Oesophagostomum columbianum</i>	Ruột già	82	64,57	1-364
2	<i>Oesophagostomum venulosum</i>	Ruột già	13	10,24	1-19
3	<i>Haemonchus contortus</i>	Dạ múi khế	80	62,99	2-510
4	<i>Bunostomum trigonocephalum</i>	Ruột non	38	29,92	1-26
5	<i>Trichocephalus ovis</i>	Ruột già	31	24,41	1-99
6	<i>Moniezia expansa</i>	Ruột non	17	13,39	1-3
7	<i>Moniezia benedeni</i>	Ruột non	19	14,96	1-9
8	<i>Paramphistomum cervi</i>	Dạ cỏ	10	7,87	88-176

SCN: số con nhiễm; TLN: tỷ lệ nhiễm; CĐN: cường độ nhiễm

Qua định danh phân loại các loài giun sán ký sinh ở dê, bảng 4 cho thấy có 8 loài giun sán ký sinh ở dê được phát hiện trong địa bàn tỉnh Trà Vinh trong đó có 5 loài thuộc lớp Nematoda là (*Oesophagostomum columbianum*, *Oesophagostomum venulosum*, *Haemonchus contortus*, *Bunostomum trigonocephalum* và *Trichocephalus ovis*) và 2 loài thuộc lớp sán dây (*Moniezia expansa* và *Moniezia benedeni*) và một loài thuộc lớp sán lá (*Paramphistomum cervi*) trong đó loài *Oesophagostomum columbianum* có tỷ lệ nhiễm cao nhất (64,57%), kế đến là *Haemonchus contortus* có tỷ lệ nhiễm 62,99%, *Bunostomum trigonocephalum* (29,92%), *Trichocephalus ovis* (24,41%), *Moniezia benedeni* (14,96%), *Moniezia expansa* (13,39%), *Oesophagostomum venulosum* (10,24%) và thấp nhất là *Paramphistomum cervi* có tỷ lệ nhiễm là 7,87%. Về cường độ nhiễm nhận thấy có 2 loài giun tròn có cường độ nhiễm cao như các loài *Oesophagostomum columbianum* và *Haemonchus contortus*. Theo Phan Định Lân và ctv (2002) cho rằng dê nhiễm *Oesophagostomum* sẽ thể hiện một số triệu chứng như suy nhược, gầy còm, tiêu chảy phân lỏng nhày có lẫn máu tươi. Lương văn Huân và ctv. (1997) cho biết nếu dê nhiễm *Haemonchus contortus* với cường độ nhiễm cao sẽ thể hiện triệu chứng bệnh tích như con vật thiếu máu do mỗi giun mỗi ngày hút 0,05ml máu/ ngày, dê kém ăn, kém hoạt động, ăn ít

và yếu dần, niêm mạc dạ múi khế có nhiều mụn loét, đôi khi bị xuất huyết. Ngoài 2 loài trên, nếu dê nhiễm *Trichocephalus ovis* thì phần đầu giun cắm sâu vào ruột gây tổn thương và mở đường cho một số vi trùng gây bệnh xâm nhập vào cơ thể làm cho bệnh càng trở nên trầm trọng hơn. Đồng thời giun *Trichocephalus ovis* thải chất độc và cặn bã làm cho con vật trúng độc con vật gầy yếu, tiêu chảy phân có lẫn máu và nếu nhiễm nặng niêm mạc ruột có thể bị bong tróc ra. Còn nếu dê nhiễm *Bunostomum trigonocephalum* sẽ có triệu chứng bệnh tích như sau: con vật tiêu chảy thường xuyên, thiếu máu, còi cọc chậm lớn, niêm mạc nhợt nhạt, xuất hiện phù nề, giảm tăng trọng, ruột viêm sung xuất huyết làm ảnh hưởng nhiều đến chăn nuôi dê. Chính vì vậy việc tẩy trừ giun sán ký sinh ở dê là cần thiết nhất là đàn dê nuôi tại tỉnh Trà Vinh hầu mang lại hiệu quả cao cho sự phát triển đàn dê trong tương lai.

3. 3 Hiệu quả thử nghiệm thuốc tẩy trừ

Bảng 5: Hiệu quả của 2 loại thuốc tẩy trừ giun sán cho dê

Thuốc	Liều dùng mg/ kg TT	Số dê thí nghiệm	Thành phần loài giun sán ở dê thí nghiệm trước tẩy trừ	Cường độ nhiễm giun sán (số trứng/ gram phân) (XTB±SE)				Hiệu quả tẩy sạch trứng sau 15 ngày (%)
				Trước tẩy	Sau tẩy			
					5 ngày	10 ngày	15 ngày	
ALBENDAZOLE	8,33	5	<i>H. contortus</i>	620±104	0	0	0	100
			<i>O. spp.</i>	490±55	0	0	0	100
			<i>T. ovis</i>	80±20	0	0	0	100
	12,50	5	<i>M. spp</i>	100±27	0	0	0	100
			<i>B. trigonocephalum</i>	70±12	0	0	0	100
			<i>O. sp.</i>	490±50	0	0	0	100
FENBENDAZOLE	7,60	5	<i>M. spp.</i>	120±37	0	0	0	100
			<i>O. sp.</i>	350±79	0	0	0	100
	11,40	5	<i>H .contortus</i>	410±43	0	0	0	100
			<i>O. sp.</i>	610±65	0	0	0	100

XTB: số trứng trung bình trên 1 gram phân ; SE : standard error :sai số của số trung bình

Bảng 5 cho thấy có 2 loại thuốc là Albendazole và Fenbendazole có tác dụng tẩy sạch giun sán. Hiệu quả tẩy sạch trứng sau 15 ngày đạt 100%. Cả 2 loại thuốc trên đều không gây phản ứng phụ trong suốt quá trình theo dõi thử nghiệm thuốc.

Đối với thuốc Albendazole thì cả 2 liều 8,33 mg/kg thể trọng và 12,50mg/kg thể trọng cấp qua đường uống cho hiệu quả tẩy sạch 100% với 4 loài giun tròn (*Haemonchus contortus*, *Oesophagostomum sp.*, *Trichocephalus ovis*, *Bunostomum trigonocephalum*) và loài *Moniezia spp.* thuốc an toàn không gây phản ứng phụ. Đối với thuốc Fenbendazole cả 2 liều 7,6 mg/kg thể trọng và 11,40mg/kg thể trọng cấp qua đường trộn vào thức ăn đều cho hiệu quả tẩy sạch 100% với 2 loài giun tròn *Haemonchus contortus*, *Oesophagostomum sp* và loài sán dây *Moniezia spp.* Thuốc an toàn không có phản ứng phụ.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1 Kết luận

- Kết quả xét nghiệm 881 mẫu phân tìm trứng giun sán cho thấy dê nuôi ở Trà Vinh bị nhiễm giun sán chiếm tỷ lệ 73,67%. Tỷ lệ nhiễm tăng dần theo lứa tuổi: dê < 1năm tuổi nhiễm 56,35%, 1-2 năm tuổi nhiễm 78,22% và dê > 2 năm tuổi nhiễm cao nhất với tỷ lệ 82,82%. Phát hiện thấy trứng của 6 loài giun sán ký sinh ở dê, trong đó lớp giun tròn có:

Haemonchus contortus với tỷ lệ nhiễm cao nhất 55,05%; *Oesophagostomum* sp. 40,30%; *Bunostomum trigonocephalum* 9,88%; *Trichocephalus ovis* 6,33%. Lớp Cestoda có một loài *Moniezia* spp. nhiễm 13,28%. Lớp Trematoda có loài *Paramphistomum cervi* chiếm tỷ lệ nhiễm thấp nhất 5,22%.

- Kết quả mổ khám cho thấy 94,49% dê bị nhiễm giun sán, trong đó lớp giun tròn Nematoda nhiễm cao nhất (92,13%), lớp sán dây Cestoda (21,26%) và thấp nhất là lớp sán lá Trematoda (7,87%). Kết quả định danh cho thấy dê trong tỉnh Trà Vinh nhiễm 8 loài giun sán ký sinh, trong đó có 5 loài thuộc lớp giun tròn là *Oesophagostomum columbianum* (64,57%), *Oesophagostomum venulosum* (10,24%), *Haemonchus contortus* (62,99%), *Bunostomum trigonocephalum* (29,92%), *Trichocephalus ovis* (24,41%), Hai loài thuộc lớp sán dây *Moniezia benedeni* (14,96%), *Moniezia expansa* (13,39%), và thấp nhất là *Paramphistomum cervi* (7,87%). Trong đó, tỷ lệ nhiễm *Oesophagostomum columbianum* và loài *Haemonchus contortus* là cao nhất.

- Thuốc Albendazole với liều 8,33mg/kg thể trọng và Fenbendazole với liều 7,60mg/kg thể trọng cho hiệu quả tẩy một số loài giun tròn và sán dây ký sinh trên dê đạt hiệu quả 100%, thuốc tỏ ra an toàn không gây phản ứng phụ.

4.2 Đề nghị

Cần phổ biến tình hình bệnh giun sán ký sinh ở dê và tác hại của chúng để người cán bộ kỹ thuật cũng như người chăn nuôi dê am hiểu hơn.

Khuyến khích người chăn nuôi định kỳ tẩy trừ giun sán cho đàn dê nuôi bằng các loại thuốc Albendazole và Fenbendazole với liều nói trên.

Tài liệu tham khảo

Cục thống kê tỉnh Trà Vinh (2006) Số liệu thống kê gia súc gia cầm tháng 8 năm 2006.

Lương văn Huân và ctv. (1997), Ký sinh và bệnh ký sinh gia súc, gia cầm. Tập 1, phần 1: Giun sán. Nxb Nông Nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Quang Tuyên (2003), Kết quả của việc sử dụng các biện pháp tẩy trừ giun sán dạ dày ruột ở gia súc nhai lại tại tỉnh Thái Nguyên, Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

Nguyễn Thị Kim Lan và ctv. (2000), “Kết quả thử nghiệm một số thuốc điều trị bệnh giun sán ở đường tiêu hóa dê”, Khoa học kỹ thuật thú y, VII(4), trang 48-52.

Phan Địch Lân và ctv.(2005), Bệnh Ký sinh trùng ở đàn dê Việt Nam, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội

Phan Thế Việt, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Lê (1977), Giun sán ký sinh ở động vật Việt Nam, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

Nguyễn Thị Lê (1996), Giun sán ký sinh ở gia súc Việt nam. Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội.

Urquhart G.M. et al. (1996), Veterinary Parasitology, Blackwell Science.